

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 14 tháng 7 năm 2023

## **NGHỊ QUYẾT**

**Về việc điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 20/4/2023 của HĐND tỉnh về cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2022 sang năm 2023 nguồn vốn ngân sách địa phương**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK KHÓA X, KỲ HỌP LẦN THỨ SÁU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Thực hiện Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách địa phương; Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách địa phương;*

*Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2022 sang năm 2023 nguồn vốn ngân sách địa phương;*

*Xét Tờ trình số 74/TTr-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 01/NQ-HĐND về cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2022 sang năm 2023 nguồn vốn ngân sách địa phương; Báo cáo thẩm tra số 96/BC-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2022 sang năm 2023 nguồn vốn ngân sách địa phương. Cụ thể như sau:

I. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2022 kéo dài thực hiện và giải ngân sang năm 2023 tại Phụ lục II Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2023, đối với nguồn vốn bổ sung ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia, như sau:

1. Huyện Ea H'leo: Kế hoạch năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 là 564 triệu đồng, điều chỉnh lại là 1.091,528 triệu đồng;

2. Huyện Krông Năng: Kế hoạch năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 là 10.620 triệu đồng, điều chỉnh lại là 12.109 triệu đồng;

3. Huyện Krông Búk: Kế hoạch năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 là 5.980 triệu đồng, điều chỉnh lại là 6.428 triệu đồng;

4. Huyện Cư Kuin: Kế hoạch năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 là 51 triệu đồng, điều chỉnh lại là 500 triệu đồng;

5. Huyện Krông Pắc: Kế hoạch năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 là 2.000 triệu đồng, điều chỉnh lại là 0 triệu đồng.

6. Huyện Krông Bông: Kế hoạch năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 là 206 triệu đồng, điều chỉnh lại là 400 triệu đồng;

7. Huyện Krông Ana: Kế hoạch năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 là 170 triệu đồng, điều chỉnh lại là 167,3 triệu đồng;

II. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 tại Phụ lục III Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2023, nguồn vốn bổ sung ngân sách cấp huyện thực hiện Nghị quyết 22/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020, như sau:

1. Huyện Ea H'leo: Kế hoạch năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 là 2.636 triệu đồng, điều chỉnh lại là 3.084 triệu đồng;

2. Huyện Krông Ana: Kế hoạch năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 là 6.140 triệu đồng, điều chỉnh lại là 5.240 triệu đồng.

III. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 tại Phụ lục IV Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2023, nguồn vốn ngân sách cấp huyện, xã, như sau:

1. Huyện Ea H'leo: Kế hoạch năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 là 10.408 triệu đồng, điều chỉnh lại là 2.327,490 triệu đồng;

2. Huyện Krông Ana: Kế hoạch năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 là 15.860 triệu đồng, điều chỉnh lại là 8.569,308 triệu đồng;

3. Huyện Krông Bông: Kế hoạch năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 là 1.057 triệu đồng, điều chỉnh lại là 1.506,505 triệu đồng;

4. Huyện Krông Pắc: Kế hoạch năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 là 1.677 triệu đồng, điều chỉnh lại là 0 triệu đồng;

5. Huyện Krông Búk: Kế hoạch năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 là 1.084,9 triệu đồng, điều chỉnh lại là 199,298 triệu đồng;

IV. Bổ sung danh mục dự án và nguồn vốn ngân sách cấp huyện, xã năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 là 85.354,655 triệu đồng, (trong đó: Ngân sách huyện là 76.830,655 triệu đồng, ngân sách xã là 8.524 triệu đồng)

*(Chi tiết tại phụ lục I, II, III, IV kèm theo)*

Các nội dung khác không điều chỉnh thì tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2022 sang năm 2023 nguồn vốn ngân sách địa phương.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm về số liệu và nội dung điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết, báo cáo kết quả tại kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

## **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá X, Kỳ họp thứ Sáu thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

**CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Thị Chiến Hòa**

## Phụ lục I

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH NĂM 2022 KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2023 -NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU NGÂN SÁCH HUYỆN THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA**

*(Kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của HĐND tỉnh Đắk Lắk)*

*ĐVT: Triệu đồng*

TT	Danh mục dự án/Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 20/4/2023			Kế hoạch năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 điều chỉnh						Kế hoạch năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 sau điều chỉnh			Ghi chú
		Trong đó:			Điều chỉnh giảm			Điều chỉnh tăng			Trong đó:			
		Tổng cộng NST	Trong đó:		Tổng cộng NST	Trong đó:		Tổng cộng NST	Trong đó:		Tổng cộng NST	Trong đó:		
			XSKT	Tiền thu SDD		XSKT	Tiền thu SDD		XSKT	Tiền thu SDD		XSKT	Tiền thu SDD	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	19.591	170	19.421	2.016,139	3,000	2.013,139	3.120,667	0,000	3.120,667	20.695,828	167,300	20.528,528	
<b>1</b>	<b>Huyện Ea H'leo</b>	564	0	564	0,139	0	0,139	527,667	0,000	527,667	1.091,528	0,000	1.091,528	
	Chương trình XD nông thôn mới	564	0	564	0,139	0	0,139	527,667	0,000	527,667	1.091,528	0,000	1.091,528	
-	Đường giao thông trục xã Ea Wy, huyện Ea H'leo (đoạn đi qua thôn 1A, thôn 2A)	360	0	360	0,000	0		108,667	0,000	108,667	468,667	0,000	468,667	

-	Đường giao thông trục xã từ thôn 11, thôn 5C đi trung tâm xã Ea Hiao	179	0	179	0,139	0	0,139	0,000	0,000	0,000	178,861	0,000	178,861	
-	Xã Cư Mốt	25	0	25	0,000	0		419,000	0,000	419,000	444,000	0,000	444,000	
<b>2</b>	<b>Huyện Krông Năng</b>	<b>10.620</b>	<b>0</b>	<b>10.620</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1.489</b>	<b>0</b>	<b>1.489</b>	<b>12.109</b>	<b>0</b>	<b>12.109</b>	
	Chương trình XD nông thôn mới	10.620	0	10.620	0	0	0	1.489	0	1.489	12.109	0	12.109	
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã từ xã Tam Giang đi xã Ea Púk, xã Ea Tam, xã Cư Klông huyện Krông Năng	10.620	0	10.620	0	0	0	1.190	0	1.190	11.810	0	11.810	
	Dự án: Đường giao thông trung tâm xã (đoạn từ nhà Lê Văn Minh đến Trương Đình Mẫn) Hạng mục: Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước và ATGT				0			50		50	50		50	
-	Xây dựng Cổng chào xã tam Giang	0	0	0	0	0	0	50	0	50	50	0	50	
-	Hàng rào Nhà văn hóa xã Ea Tam	0	0	0	0	0	0	156	0	156	156	0	156	
-	Đường giao thông vành đai sân văn hóa xã Ea Tam	0	0	0	0	0	0	43	0	43	43	0	43	
<b>3</b>	<b>Huyện Krông Búk</b>	<b>5.980</b>	<b>0</b>	<b>5.980</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>448</b>	<b>0</b>	<b>448</b>	<b>6.428</b>	<b>0</b>	<b>6.428</b>	
	Chương trình XD nông thôn mới	5.980	0	5.980	0	0	0	448	0	448	6.428	0	6.428	
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã từ thôn 6 xã Cư Né đến trung tâm xã Cư Pong	5.980	0	5.980				440		440	6.420	0	6.420	

-	Xã Cư Pong	0	0	0	0	0	0	8	0	8	8	0	8	
<b>4</b>	<b>Huyện Cư Kuin</b>	<b>51</b>	<b>0</b>	<b>51</b>	<b>13</b>	<b>0</b>	<b>13</b>	<b>462</b>	<b>0</b>	<b>462</b>	<b>500</b>	<b>0</b>	<b>500</b>	
	Chương trình XD nông thôn mới	51	0	51	13	0	13	462	0	462	500	0	500	
-	Nhà văn hóa xã Ea Ning, huyện Cư Kuin	13	0	13	13	0	13	0	0	0	0	0	0	
-	Xã Ea Ning	38	0	38	0	0		462	0	462	500	0	500	
<b>5</b>	<b>Huyện Krông Pắc</b>	<b>2.000</b>	<b>0</b>	<b>2.000</b>	<b>2.000</b>	<b>0</b>	<b>2.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
	Chương trình XD nông thôn mới	2.000	0	2.000	2.000	0	2.000	0	0	0	0	0	0	
-	Xã Krông Búk	1.000	0	1.000	1.000	0	1.000	0	0	0	0	0	0	
-	Xã Ea uy	1.000	0	1.000	1.000	0	1.000	0	0	0	0	0	0	
<b>6</b>	<b>Huyện Krông Bông</b>	<b>206</b>	<b>0</b>	<b>206</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>194</b>	<b>0</b>	<b>194</b>	<b>400</b>	<b>0</b>	<b>400</b>	
	Chương trình XD nông thôn mới	206	0	206	0	0	0	194	0	194	400	0	400	
-	Xã Hòa Sơn	206	0	206	0	0		194	0	194	400	0	400	
<b>7</b>	<b>Huyện Krông Ana</b>	<b>170</b>	<b>170</b>	<b>0</b>	<b>3,000</b>	<b>3,000</b>	<b>0,000</b>	<b>0</b>	<b>0,000</b>	<b>0,000</b>	<b>167,300</b>	<b>167,300</b>	<b>0,000</b>	
	Chương trình XD nông thôn mới	170	170	0	3,000	3,000	-	0	-	-	167,300	167,300	0	
-	Nhà văn hóa xã Dray Sáp, huyện Krông Ana	170	170	0	3,000	3,000	-	0	-	-	167,300	167,300	0	

**Phụ lục II**

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH NĂM 2022 KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2023 --  
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU NGÂN SÁCH HUYỆN THỰC HIỆN ĐẦU TƯ VỀ  
GIÁO DỤC ĐÀO TẠO THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 22/2020/NQ-HĐND**

*(Kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của HĐND tỉnh Đắk Lắk)*

*ĐVT: Triệu đồng*

TT	Danh mục dự án/Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 20/4/2023			Kế hoạch năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 điều chỉnh						Kế hoạch năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 sau điều chỉnh			Ghi chú
		Trong đó:			Điều chỉnh giảm			Điều chỉnh tăng			Trong đó:			
		Tổng cộng NST	Trong đó:		Tổng cộng NST	Trong đó:		Tổng cộng NST	Trong đó:		Tổng cộng NST	Trong đó:		
			XSKT	Tiền thu SDD		XSKT	Tiền thu SDD		XSKT	Tiền thu SDD		XSKT	Tiền thu SDD	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.776</b>	<b>0</b>	<b>8.776</b>	<b>900</b>	<b>0</b>	<b>900</b>	<b>448</b>	<b>0</b>	<b>448</b>	<b>8.324</b>	<b>0</b>	<b>8.324</b>	
1	Huyện Ea H'leo	2.636	0	2.636	0	0	0	448		448	3.084	0	3.084	0
2	Huyện Krông Ana	6.140		6.140	900		900	0		0	5.240	0	5.240	

## Phụ lục III

**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022  
- NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN, XÃ ĐẾN NGÀY 31/01/2023 VÀ ĐỀ XUẤT KÉO DÀI THỜI GIAN  
THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2023**

(Kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của HĐND tỉnh Đắk Lắk)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án/huyện, thị xã, thành phố	Kế hoạch năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 20/4/2023			Kế hoạch năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 điều chỉnh			Kế hoạch năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 điều chỉnh			Kế hoạch năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 sau điều chỉnh		
		Tổng cộng	Trong đó:		Điều chỉnh giảm			Điều chỉnh Tăng			Tổng cộng	Trong đó:	
			Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Tổng cộng	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Tổng cộng	Ngân sách huyện	Ngân sách xã		Ngân sách huyện	Ngân sách xã
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>30.086,900</b>	<b>28.186,900</b>	<b>1.900,000</b>	<b>18.068,938</b>	<b>16.650,772</b>	<b>1.418,166</b>	<b>584,639</b>	<b>584,639</b>	<b>-</b>	<b>12.602,601</b>	<b>12.120,767</b>	<b>481,834</b>
<b>I</b>	<b>Huyện Ea H'leo</b>	<b>10.408,000</b>	<b>8.508,000</b>	<b>1.900,000</b>	<b>8.101,246</b>	<b>6.683,080</b>	<b>1.418,166</b>	<b>20,73600</b>	<b>20,73600</b>	<b>-</b>	<b>2.327,490</b>	<b>1.845,656</b>	<b>481,834</b>
1	Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 điểm dân cư nông thôn trung tâm xã Ea Tir	231,000	231,000	-	-			0,28400	0,28400		231,284	231,284	-
2	Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 điểm dân cư nông thôn trung tâm xã Dliê Yang	281,000	281,000	-	0,276	0,276		-			280,724	280,724	-



3	QH chi tiết XD tỷ lệ 1/500 Điểm dân cư nông thôn Buôn Đưng B (vị trí 1), xã Ea Khăl (Bán đấu giá quyền SDD)	2,000	2,000	-	-			0,32000	0,32000		2,320	2,320	-
4	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Ea Nam, huyện Ea H'leo, tỉnh Đăk Lăk, đến năm 2035	35,000	35,000	-	-			0,47700	0,47700		35,477	35,477	-
5	Đổi ứng thực hiện các dự án ĐTC trung hạn GD 2021- 2025 nguồn ngân sách tỉnh	3.680,000	3.680,000	-	3.680,000	3.680,000		-			-	-	-
6	Bồi thường giải phóng mặt bằng các dự án; trả nợ quỹ đất tỉnh	3.000,000	3.000,000	-	3.000,000	3.000,000		-			-	-	-
7	Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Ea Ral, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đăk Lăk, đến năm 2035	62,000	62,000	-	0,539	0,539		-			61,461	61,461	-
8	Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Văn Cừ - Nguyễn Văn Trỗi theo quy hoạch chung thị trấn Ea Drăng, huyện Ea H'Leo; Hạng mục: Nền, móng, mặt đường, lề đường và HTTN	40,000	40,000	-	0,383	0,383		-			39,617	39,617	-
9	Via hè cây xanh và hệ thống thoát nước trung tâm xã Cư Mốt	60,000	-	60,000	60,000		60,000	-			-	-	-
10	Đường giao thông Thôn 3 đi Buôn Bêk (Bưu điện xã đến nhà ông Quý)	52,000	40,000	12,000	12,000		12,000	-			40,000	40,000	-

11	Đường giao thông Thôn 3 đi Thôn Thái (Sân vận động xã đến nhà Khâm Tâm)	52,000	40,000	12,000	12,000		12,000	-			40,000	40,000	-
12	Đường giao thông Buôn Ea Blong đi Buôn Krai (Trường TH Ea Sol đến nhà SHCĐ EaBlong)	57,000	45,000	12,000	12,000		12,000	-			45,000	45,000	-
13	Đường giao thông Buôn Drăn - Buôn Krái (Nhà Ma Trinh đến giáp đường liên xã)	52,000	40,000	12,000	12,000		12,000	-			40,000	40,000	-
14	Đường giao thông Thôn 1 - Buôn Hoai (nhà Y Thiên đến nhà SHCĐ buôn Hoai)	42,000	30,000	12,000	12,000		12,000	-			30,000	30,000	-
15	Đường giao thông Buôn Bêk - Thôn 3 - Thôn Thái (Nhà Ma Hội đến nhà bà Khuê)	62,000	50,000	12,000	12,000		12,000	-			50,000	50,000	-
16	Đường giao thông buôn Tang (nhà ông Năng đến nhà ông Y Xuynh)	62,000	50,000	12,000	12,000		12,000	-			50,000	50,000	-
17	Đường giao thông buôn Điết (từ nhà Ma Bly đến nhà ông Minh)	32,000	20,000	12,000	12,000		12,000	-			20,000	20,000	-
18	Đường giao thông buôn Kri (từ đường liên xã đến nhà Nay Kick)	67,000	55,000	12,000	12,000		12,000	-			55,000	55,000	-
19	Đường giao thông buôn Bêk (nhà Y Dol đến nhà H'Đoanh)	42,000	30,000	12,000	12,000		12,000	-			30,000	30,000	-

20	Đường giao thông buôn Huynh (nhà Klóir đến nhà Nay Na)	47,000	35,000	12,000	12,000		12,000	-			35,000	35,000	-
21	Đường giao thông buôn Đrăn (nhà Ksor Nhua đến đường liên xã)	52,000	40,000	12,000	12,000		12,000	-			40,000	40,000	-
22	Đường giao thông buôn Krái (đường liên xã đến nhà H'Met)	37,000	25,000	12,000	12,000		12,000	-			25,000	25,000	-
23	Đường giao thông buôn M Nút (nhà H Tróc đến nhà Ksor Khái)	72,000	60,000	12,000	12,000		12,000	-			60,000	60,000	-
24	Đường giao thông buôn Chứ (Nhà Ma Nguyên đến sân thể thao buôn Chứ)	42,000	30,000	12,000	12,000		12,000	-			30,000	30,000	-
25	Đường giao thông buôn Taly (nhà Nay Mui đến nhà H Mun)	52,000	40,000	12,000	12,000		12,000	-			40,000	40,000	-
26	Đường giao thông buôn Điết (Công văn hóa buôn đến nhà Ksor A Nhã)	37,000	25,000	12,000	12,000		12,000	-			25,000	25,000	-
27	Đường giao thông buôn Chăm Hoai (Nhà ông Minh đến nhà ông Trần An)	47,000	35,000	12,000	12,000		12,000	-			35,000	35,000	-
28	Đường giao thông buôn Chăm Hoai (CÔNG VĂN HÓA BUÔN ĐẾN NHÀ ĐỖ ĐIỀU)	57,000	45,000	12,000	12,000		12,000	-			45,000	45,000	-
29	Đường giao thông buôn Krái (nhà ông Nhất đến nhà ông Huy)	57,000	45,000	12,000	12,000		12,000	-			45,000	45,000	-

30	Đường giao thông buôn M Nút (nhà ông Nay Nhăng đến nhà Ksor Bua)	40,000	25,000	15,000	15,000		15,000	-			25,000	25,000	-
31	Đường giao thông buôn M Nút (nhà ông Y Bih Mlô đến nhà Ksor Mun)	40,000	25,000	15,000	15,000		15,000	-			25,000	25,000	-
32	Đường giao thông buôn M Nút (nhà K pã Riên đến sân bóng)	45,000	30,000	15,000	15,000		15,000	-			30,000	30,000	-
33	Đường giao thông buôn M Nút (từ ngã ba đường liên xã đi nhà Nay Năng)	45,000	30,000	15,000	15,000		15,000	-			30,000	30,000	-
34	Đường giao thôn buôn Tang (đoạn từ Đài tưởng niệm đến nhà Nay Gòn)	45,000	30,000	15,000	15,000		15,000	-			30,000	30,000	-
35	Đường giao thông buôn Bêk (đoạn sau trường Nguyễn Khuyến đến nghĩa địa buôn Bêk)	55,000	40,000	15,000	15,000		15,000	-			40,000	40,000	-
36	Đường giao thông buôn Drăn (từ nhà Nay Phương đến nhà Lô Văn Viên)	45,000	30,000	15,000	15,000		15,000	-			30,000	30,000	-
37	Đường giao thông buôn Drăn (từ công văn hoá đến nhà Ksor Bly)	55,000	40,000	15,000	15,000		15,000	-			40,000	40,000	-
38	Đường GT trục thôn 9 (Điểm đầu Công chào thôn 9 - điểm cuối Rẫy nhà ông Phục)	33,000	33,000	-				0,29300	0,29300		33,293	33,293	-

39	Đường GT trục thôn 9 (Điểm đầu Nhà ông Nguyễn Danh - điểm cuối Rẫy nhà ông Mai Văn Xu)	31,000	31,000	-	0,358	0,358					30,642	30,642	-
40	Đường GT thôn 5 đi buôn Sấm A: Điểm đầu Nghĩa địa xã- điểm cuối nhà ông Dương Văn Toán	10,000	10,000	-	0,059	0,059					9,941	9,941	-
41	Đường GT thôn 4 đi thôn 3 (điểm QL 14 nhà Tuyến Phụng đến nhà bà Nguyễn Thị Lý thôn 3)	10,000	10,000	-	-			0,35700	0,35700		10,357	10,357	-
42	Đường GT thôn 2C: Điểm đầu Nhà bà Đoàn Thị Thu đến điểm cuối nhà ông Nguyễn Văn Dũng	21,000	21,000	-	-			19,00000	19,00000		40,000	40,000	-
43	Đường GT trục Buôn Treng: Từ nhà Nay Y Klul đến nhà Ksor Blinh	1,000	1,000	-	0,523	0,523					0,477	0,477	-
44	Đường GT trục thôn 2A: Ngã ba nhà ông An đến hết vườn nhà ông Nguyễn Văn Hoà	11,000	11,000	-	0,942	0,942					10,058	10,058	-
45	Đường GT trục thôn 4: (từ nhà Nay H Bet đến trụ điện cao thế nhà ông Lê Thanh Tùng	30,000	30,000	-	-			0,00500	0,00500		30,005	30,005	-
46	Sửa chữa Ủy ban nhân dân xã Dlie Yang; Hạng mục: Nhà vệ sinh	2,000	-	2,000	0,860		0,860	-			1,140	-	1,140

47	Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông buôn Lê Đá, thị trấn Ea Drăng. Hạng mục: Nền, móng mặt đường và rãnh thoát nước	1.173,000	-	1.173,000	996,000		996,000	-			177,000	-	177,000
48	Nâng cấp, sửa chữa đường vào nghĩa địa xã Ea Hiao; Hạng mục: Nền, móng, mặt đường và hệ thống thoát nước	22,000	-	22,000	0,575		0,575	-			21,425	-	21,425
49	Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông sau trường THPT Phan Chu Trinh, xã Ea Răl, huyện Ea H"Leo. Hạng mục: Nền, móng, mặt đường và hệ thống thoát nước.	283,000	-	283,000	0,731		0,731	-			282,269	-	282,269
<b>II</b>	<b>Huyện Krông Ana</b>	<b>15.860,000</b>	<b>15.860,000</b>	<b>-</b>	<b>7.290,692</b>	<b>7.290,692</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>8.569,308</b>	<b>8.569,308</b>	<b>-</b>
1	Đền bù, GPMB; xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư Đông Nam (giai đoạn 4)	5.067,000	5.067,000		2.573,330	2.573,330		-			2.493,670	2.493,670	-
2	Xây dựng phòng làm việc, cải tạo cơ sở vật chất trụ sở UBMTTQVN và các đoàn thể xã Quảng Điền	600,000	600,000		600,000	600,000		-			-	-	-
3	Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Du, thị trấn Buôn Tráp	900,000	900,000		900,000	900,000		-			-	-	-
4	Xây dựng trụ sở tiếp công dân huyện Krông Ana	961,000	961,000		758,694	758,694		-			202,306	202,306	-

5	Trường tiểu học Ea Bông, xã Ea Bông	2.903,000	2.903,000		961,200	961,200		-			1.941,800	1.941,800	-
6	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông từ đèo Cư Pao đi chợ Cây Cốc, xã Quảng Điền	2.079,000	2.079,000		576,036	576,036		-			1.502,964	1.502,964	-
7	Xây dựng đê chống ngập, cánh phai Sinh Đĩa, xã Bình Hòa	1.027,000	1.027,000		288,950	288,950		-			738,050	738,050	-
8	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Bàu Cỏ, xã Bình Hòa	942,000	942,000		261,859	261,859		-			680,141	680,141	-
9	San lấp mặt bằng đường vành đai Hồ Sen, thị trấn Buôn Tráp (giai đoạn 1)	1.381,000	1.381,000		370,623	370,623		-			1.010,377	1.010,377	-
<b>III</b>	<b>Huyện Krông Bông</b>	<b>1.057,000</b>	<b>1.057,000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>449,505</b>	<b>449,505</b>	<b>-</b>	<b>1.506,505</b>	<b>1.506,505</b>	<b>-</b>
1	Đường Nam Cao Thị trấn Krông Kmar (từ ngã tư Nam Cao - Hồ Xuân Hương đến giáp đường 30/4)	1.057,000	1.057,000		-			449,505	449,505		1.506,505	1.506,505	-
<b>IV</b>	<b>Krông Pắc</b>	<b>1.677,000</b>	<b>1.677,000</b>	<b>-</b>	<b>1.677,000</b>	<b>1.677,000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1	Đường giao thông liên xã Ea Hiu - Ea Uy, huyện Krông Pắc	591,000	591,000		591,000	591,000		-			-	-	-
2	Đường GTNT trục thôn (đoạn từ nhà ông Lê Xuân Việt thôn Tân Thành đi Quốc Lộ 26)	325,000	325,000		325,000	325,000		-			-	-	-

3	Sửa chữa tuyến đường GTNT trục thôn (đoạn từ QL 26 đến nhà ông Miếu), thôn 19/5, xã Ea Yông, huyện Krông Pắc	246,000	246,000		246,000	246,000					-	-	-				
4	Đường GT buôn Hăng 1A (từ nhà ông Thái đi đường Ea Kuăng)	515,000	515,000		515,000	515,000					-	-	-				
<b>V</b>	<b>Huyện Krông Búk</b>	<b>1.084,9</b>	<b>1.084,9</b>		<b>1.000,000</b>	<b>1.000,000</b>					<b>-</b>	<b>114,398</b>	<b>114,398</b>	<b>-</b>	<b>199,298</b>	<b>199,298</b>	<b>-</b>
1	Trường THCS Phạm Hồng Thái, xã Cư Pong; Hạng mục: Nhà lớp học 10 phòng (02 tầng)	84,9	84,9		-						114,398	114,398		199,298	199,298		-
2	Bãi xử lý rác tập trung huyện Krông Búk	1.000,0	1.000,0		1.000,000	1.000,000					-			-	-		-



**Phụ lục IV**

**BỔ SUNG DANH MỤC VÀ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH NĂM 2022 SANG NĂM 2023**

*(Kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của HĐND tỉnh Đắk Lắk)*

*ĐVT: Triệu đồng*

TT	Danh mục dự án/huyện, thị xã, thành phố	Kế hoạch năm 2022			Giải ngân kế hoạch năm 2022 đến hết ngày 31/01/2023			Kế hoạch năm 2022 còn lại chưa giải ngân			Kế hoạch năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 bổ sung			Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó:		Tổng cộng	Trong đó:		Tổng cộng	Trong đó:		Tổng cộng	Trong đó:		
			Ngân sách huyện	Ngân sách xã		Ngân sách huyện	Ngân sách xã		Ngân sách huyện	Ngân sách xã		Ngân sách huyện	Ngân sách xã	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	88.771	80.247	8.524	3.416,345	3.416,345	-	85.354,655	76.830,655	8.524,000	85.354,655	76.830,655	8.524,000	
<b>I</b>	<b>Huyện Ea Súp</b>	10.920	10.920	-	3.135,730	3.135,730	-	7.784,270	7.784,270	-	7.784,270	7.784,270	-	-
<b>I.1</b>	<b>Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện</b>	10.920	10.920	0	3.135,730	3.135,730	-	7.784,270	7.784,270	-	7.784,270	7.784,270	-	
1	Nhà làm việc của các cơ quan tham mưu giúp việc Huyện ủy và phòng họp Ban Chấp hành Đảng bộ huyện	3.150	3.150		3.135,730	3.135,730		14,270	14,270	-	14,270	14,270	-	
2	Hỗ trợ kinh phí cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ thôn 3 đi khu sản xuất xã Cư Kbang	1.800	1.800					1.800,000	1.800,000	-	1.800,000	1.800,000		

3	Hỗ trợ kinh phí cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên thôn 12, thôn 15, xã Ea Lê	1.500	1.500					1.500,000	1.500,000	-	1.500,000	1.500,000		
4	Hỗ trợ kinh phí cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ thôn 14B đi thôn 9 xã Ya Tờ Mốt	1.000	1.000					1.000,000	1.000,000	-	1.000,000	1.000,000		
5	Hỗ trợ kinh phí cải tạo, mở rộng, nâng cấp nhà hiệu bộ, bếp ăn một chiều và nhà vệ sinh Trường mầm non Cư Kbang	1.500	1.500					1.500,000	1.500,000	-	1.500,000	1.500,000		
6	Hỗ trợ kinh phí cải tạo, nâng cấp đường Lý Thường Kiệt, thị trấn Ea Súp	1.500	1.500					1.500,000	1.500,000	-	1.500,000	1.500,000		
7	Nâng cấp hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh đến cấp xã	470	470					470,000	470,000	-	470,000	470,000		
<b>II</b>	<b>Huyện Buôn Đôn</b>	<b>12.660</b>	<b>12.660</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>12.660,000</b>	<b>12.660,000</b>	<b>-</b>	<b>12.660,000</b>	<b>12.660,000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II.1</b>	<b>Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện</b>	<b>12.660</b>	<b>12.660</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>12.660,000</b>	<b>12.660,000</b>	<b>-</b>	<b>12.660,000</b>	<b>12.660,000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1	Hỗ trợ kinh phí cải tạo, sửa chữa trường THCS Trần Quang Diệu, xã Ea Bar	1.800	1.800					1.800,000	1.800,000		1.800,000	1.800,000		
2	Hỗ trợ kinh phí cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng từ sinh Hai đi sinh Chiêu, xã Tân Hoà	1.300	1.300					1.300,000	1.300,000		1.300,000	1.300,000		

3	Hỗ trợ kinh phí nâng cấp, mở rộng đường giao thông liên thôn An Phú đi thôn Tân Phú, xã Ea Nuôl	1.300	1.300					1.300,000	1.300,000		1.300,000	1.300,000		
4	Hỗ trợ kinh phí nâng cấp, mở rộng đường giao thông liên thôn từ buôn Tul B đi thôn 9, xã Ea Wer	1.500	1.500					1.500,000	1.500,000		1.500,000	1.500,000		
5	Hỗ trợ kinh phí nâng cấp, sửa chữa đường giao thông buôn Niêng 3 (đoạn từ ngã 3 đường bê tông đến nhà ông Nguyễn Xuân Nghinh) xã Ea Nuôl	900	900					900,000	900,000		900,000	900,000		
6	Hỗ trợ kinh phí nâng cấp, cải tạo kênh cánh đồng Buôn Trí, xã Krông Na	2.600	2.600					2.600,000	2.600,000		2.600,000	2.600,000		
7	Hỗ trợ kinh phí cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng từ thôn 10 đi Suối lớn, xã Tân Hoà	1.100	1.100					1.100,000	1.100,000		1.100,000	1.100,000		
8	Hỗ trợ kinh phí nâng cấp, cải tạo nhà làm việc Ban chỉ huy quân sự huyện Buôn Đôn	1.000	1.000					1.000,000	1.000,000		1.000,000	1.000,000		
9	Nâng cấp hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh đến cấp xã.	1.160	1.160					1.160,000	1.160,000		1.160,000	1.160,000		
<b>III</b>	<b>Huyện Ea H'leo</b>	<b>24.944</b>	<b>18.620</b>	<b>6.324</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>24.944,000</b>	<b>18.620,000</b>	<b>6.324,000</b>	<b>24.944,000</b>	<b>18.620,000</b>	<b>6.324,000</b>	
<b>III.1</b>	<b>Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện</b>	<b>5.700</b>	<b>5.700</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>5.700,000</b>	<b>5.700,000</b>	<b>0,000</b>	<b>5.700,000</b>	<b>5.700,000</b>	<b>0,000</b>	

1	Cải tạo, nâng cấp đường GT buôn Tùng Kuh- Tùng Xê đi trung tâm xã Ea Ral	1.500	1.500					1.500,000	1.500,000		1.500,000	1.500,000		
2	Cải tạo, nâng cấp đường GT từ thôn 5 đi trung tâm xã Dlie yang	1.500	1.500					1.500,000	1.500,000		1.500,000	1.500,000		
3	Cải tạo, nâng cấp đường GT từ thôn 5 đi trung tâm xã Ea Hleo	1.500	1.500					1.500,000	1.500,000		1.500,000	1.500,000		
4	Cải tạo, nâng cấp kênh đập Cây Sung, xã Cư Mốt	1.200	1.200					1.200,000	1.200,000		1.200,000	1.200,000		
<b>III.2</b>	<b>Ngân sách huyện, xã</b>	<b>19.244</b>	<b>12.920</b>	<b>6.324</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>19.244,000</b>	<b>12.920,000</b>	<b>6.324,000</b>	<b>19.244,000</b>	<b>12.920,000</b>	<b>6.324,000</b>	
1	Cải tạo, nâng cấp Đài truyền thanh, truyền hình cũ thành Trung tâm hành chính công huyện Ea H'Leo; HM: nhà làm việc, nhà để xe, sân bê tông, san nền, nhà đốt rác và cống, tường rào	3.000	3.000					3.000,000	3.000,000		3.000,000	3.000,000		
2	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc 3 trạm thành Trụ sở làm việc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Ea H'Leo; HM: nhà làm việc, sân bê tông, cống và tường rào	1.200	1.200					1.200,000	1.200,000		1.200,000	1.200,000		
3	Cải tạo, nâng cấp nhà tiếp công dân huyện thành Trụ sở làm việc ban tiếp công dân và Thanh tra huyện Ea H'Leo; HM: nhà làm việc 2 tầng, nhà tiếp dân, nhà vệ sinh, nhà để xe, sân bê tông và cống, tường rào	1.100	1.100					1.100,000	1.100,000		1.100,000	1.100,000		

4	Cải tạo, nâng cấp một số hạng mục Trụ sở HĐND và UBND huyện Ea H'Leo; HM: Cải tạo nhà trụ sở chính, nhà làm việc 03 tầng, nhà vệ sinh, nhà để xe, nhà đốt rác và một số hạng mục phụ trợ trong khuôn viên; Lắp đặt, thay thế trang thiết bị dây nhà trụ sở chính, dây 5 phòng và hội trường	4.900	4.900				4.900,000	4.900,000		4.900,000	4.900,000		
5	Nâng cấp sửa chữa đường Nguyễn Thị Minh Khai	720	720				720,000	720,000		720,000	720,000		
6	Cải tạo, nâng cấp một số hạng mục Trụ sở Huyện ủy Ea H'Leo; HM: Cải tạo, nâng cấp nhà khách, phòng họp, phòng truyền thống, phòng vệ sinh khu nhà làm việc	2.000	2.000				2.000,000	2.000,000		2.000,000	2.000,000		
7	Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông thôn 1, xã Ea Nam, huyện Ea H'Leo	1.100	1.100				1.100,000		1.100,000	1.100,000		1.100,000	
8	Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông thôn 1, xã Cư Mốt, huyện Ea H'Leo	900	900				900,000		900,000	900,000		900,000	
9	Nâng cấp, sửa chữa cổng, hàng rào khuôn viên trụ sở làm việc HĐND&UBND xã Ea Tir, huyện Ea H'Leo	1.000	1.000				1.000,000		1.000,000	1.000,000		1.000,000	

10	Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông từ Quốc lộ 14 đi thôn Ea Sir B, xã Ea Nam, huyện Ea H'Leo	1.000		1.000				1.000,000		1.000,000	1.000,000		1.000,000	
11	Nâng cấp, sửa chữa đường thôn 3 đi thôn 2 xã Ea Khăl	1.200		1.200				1.200,000		1.200,000	1.200,000		1.200,000	
12	Nâng cấp sửa chữa đường giao thông thôn 6B đi thôn 7A xã Ea Wy	1.100		1.100				1.100,000		1.100,000	1.100,000		1.100,000	
13	Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Ea Hiao, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk, đến năm 2035	24		24				24,000		24,000	24,000		24,000	
<b>IV</b>	<b>Huyện M'Đrăk</b>	<b>6.247</b>	<b>6.247</b>	<b>-</b>	<b>280,615</b>	<b>280,615</b>	<b>-</b>	<b>5.966,385</b>	<b>5.966,385</b>	<b>-</b>	<b>5.966,385</b>	<b>5.966,385</b>	<b>-</b>	
<b>IV.1</b>	<b>Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện</b>	<b>6.247</b>	<b>6.247</b>	<b>0</b>	<b>281</b>	<b>281</b>	<b>0</b>	<b>5.966,385</b>	<b>5.966,385</b>	<b>0,000</b>	<b>5.966,385</b>	<b>5.966,385</b>	<b>0,000</b>	
1	Cải tạo, sửa chữa trường THCS Ngô Quyền xã CưM'ta	1.500	1.500		83,159	83,159		1.416,841	1.416,841		1.416,841	1.416,841		
2	Cải tạo đường nội thôn 4 xã Krông Á	1.577	1.577		86,555	86,555		1.490,445	1.490,445		1.490,445	1.490,445		
3	Nâng cấp đường GT luân xã (từ cổng chào thôn 2, xã Cư Króa đi ra Quốc lộ 26, xã Cư M'ta)	1.800	1.800		110,901	110,901		1.689,099	1.689,099		1.689,099	1.689,099		
4	Nâng cấp hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh đến cấp xã	470	470		-			470,000	470,000		470,000	470,000		

5	Xây dựng nhà kho cất giữ vũ khí trang bị, đạn vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ của Ban CHQS huyện M'Drắk	900	900		-			900,000	900,000		900,000	900,000		
<b>V</b>	<b>Huyện Lắk</b>	<b>11.550</b>	<b>9.350</b>	<b>2.200</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>11.550,000</b>	<b>9.350,000</b>	<b>2.200,000</b>	<b>11.550,000</b>	<b>9.350,000</b>	<b>2.200,000</b>	
<b>V.1</b>	<b>Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện</b>	<b>11.550</b>	<b>9.350</b>	<b>2.200</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>11.550,000</b>	<b>9.350,000</b>	<b>2.200,000</b>	<b>11.550,000</b>	<b>9.350,000</b>	<b>2.200,000</b>	
1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông Hòa Bình, Buôn Kam đi thôn Lâm Trường, xã Đăk Liêng	1.500	1.500					1.500,000	1.500,000		1.500,000	1.500,000		
2	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ Quốc lộ 27 vào trung tâm xã Yang Tao, xã Yang Tao	1.500	1.500					1.500,000	1.500,000		1.500,000	1.500,000		
3	Cải tạo, nâng cấp kênh cánh đồng 8/4 đoạn từ cuối tuyến kênh N1 đến ruộng nhà Ông Tráng, xã Buôn Tría	1.200	1.200					1.200,000	1.200,000		1.200,000	1.200,000		
4	Cải tạo, nâng cấp bờ kênh N2 công trình thủy lợi Buôn Triết, xã Buôn Triết	1.200	1.200					1.200,000	1.200,000		1.200,000	1.200,000		
5	Cải tạo, nâng cấp kênh Buôn Yuk	1.200	1.200					1.200,000	1.200,000		1.200,000	1.200,000		
6	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông Đoàn Kết 2, xã Buôn Triết	1.400	1.400					1.400,000	1.400,000		1.400,000	1.400,000		

7	Nâng cấp hệ thống truyền hình trực tuyến của tỉnh đến cấp xã	1.350	1.350					1.350,000	1.350,000		1.350,000	1.350,000		
8	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông Buôn Yuk đi Lâm Trường và hệ thống điện chiếu sáng công cộng xã Đăk Liêng	1.500		1.500				1.500,000	-	1.500,000	1.500,000	-	1.500,000	
9	Cải tạo, nâng cấp cống tiêu thoát lũ và gia cố thượng lưu, hạ lưu đường hai đầu công giao thông Buôn Yon, xã Bông Krang	700		700				700,000	-	700,000	700,000	-	700,000	
<b>VI</b>	<b>Huyện Krông Pắc</b>	<b>9.990</b>	<b>9.990</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>9.990,000</b>	<b>9.990,000</b>	<b>0,000</b>	<b>9.990,000</b>	<b>9.990,000</b>	<b>0,000</b>	
<b>VI.1</b>	<b>Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện</b>	<b>9.990</b>	<b>9.990</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>9.990,000</b>	<b>9.990,000</b>	<b>0,000</b>	<b>9.990,000</b>	<b>9.990,000</b>	<b>0,000</b>	
1	Hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng tuyến mương từ nhà ông Lợi thôn 2A, xã Hòa Tiến	1.500	1.500					1.500,000	1.500,000		1.500,000	1.500,000		
2	Hỗ trợ kinh phí cải tạo, nâng cấp đường DH.06 từ xã Hòa Đông	1.500	1.500					1.500,000	1.500,000		1.500,000	1.500,000		
3	Hỗ trợ kinh phí cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên thôn buôn Hàng 1 B đi thôn 8-11, xã Ea Uy	1.100	1.100					1.100,000	1.100,000		1.100,000	1.100,000		



4	Hỗ trợ kinh phí nâng cấp tuyến đường từ cầu Buôn Yông A đi khu quy hoạch nghĩa trang và nhà hỏa táng huyện Krông Pắc	1.500	1.500					1.500,000	1.500,000		1.500,000	1.500,000		
5	Hỗ trợ kinh phí nâng cấp đường giao thông từ Quốc lộ 26 đi thôn Thanh Xuân, Thanh Bình xã Ea Kênh	1.200	1.200					1.200,000	1.200,000		1.200,000	1.200,000		
6	Hỗ trợ kinh phí nâng cấp, sửa chữa hồ Suối Khi 3, xã Ea Yông huyện Krông Pắc	1.200	1.200					1.200,000	1.200,000		1.200,000	1.200,000		
7	Nâng cấp hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh đến cấp xã	1.990	1.990					1.990,000	1.990,000		1.990,000	1.990,000		
<b>VII</b>	<b>Huyện Krông Búk</b>	<b>12.460</b>	<b>12.460</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>12.460,000</b>	<b>12.460,000</b>	<b>0,000</b>	<b>12.460,000</b>	<b>12.460,000</b>	<b>0,000</b>	
<b>VII.1</b>	<b>Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện</b>	<b>12.460</b>	<b>12.460</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>12.460,000</b>	<b>12.460,000</b>	<b>0,000</b>	<b>12.460,000</b>	<b>12.460,000</b>	<b>0,000</b>	
1	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường giao thông từ Quốc lộ 14 đi khu sản xuất cà phê thuộc buôn Kđrô 2, xã Cư Né	1.500	1.500					1.500,000	1.500,000		1.500,000	1.500,000		
2	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường giao thông từ Quốc lộ 14 đi thôn 11, xã Pong Drang	1.400	1.400					1.400,000	1.400,000		1.400,000	1.400,000		
3	Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông từ thôn 9A đi thôn 9, xã Pong Drang	1.400	1.400					1.400,000	1.400,000		1.400,000	1.400,000		
4	Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông từ thôn Nam Anh đi thôn Nam Lộc, xã Chú Kô	1.300	1.300					1.300,000	1.300,000		1.300,000	1.300,000		

5	Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông từ đường bê tông hiện hữu đi hồ Chế Biên thuộc xã Pong Drang	1.000	1.000					1.000,000	1.000,000		1.000,000	1.000,000		
6	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường giao thông từ Quốc lộ 14 đi khu vực sản xuất cà phê thôn 15, xã Pong Drang	1.000	1.000					1.000,000	1.000,000		1.000,000	1.000,000		
7	Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông từ thôn 13 đi thôn 14, xã Pong Drang	1.500	1.500					1.500,000	1.500,000		1.500,000	1.500,000		
8	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường giao thông từ Quốc lộ 14 đi hồ Buôn Đrô (Buôn Kđrô), xã Cư Né	1.000	1.000					1.000,000	1.000,000		1.000,000	1.000,000		
9	Cải tạo nâng cấp một số hạng mục công trình thuộc Ban Chỉ huy Quân sự huyện Krông Búk	1.200	1.200					1.200,000	1.200,000		1.200,000	1.200,000		
10	Nâng cấp hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến cấp tỉnh đến cấp xã	1.160	1.160					1.160,000	1.160,000		1.160,000	1.160,000		